TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NAM ĐỊNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do- Hạnh phúc**
Bản án số: 19/2023/HNGĐ-ST Ngày: 02/03/2023 V/v: "Ly hôn giữa anh Q và chị T"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N, TỈNH NAM ĐỊNH

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Xuân Thọ.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lưu Xuân Tiến

Ông Nguyễn Thế Bình

Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện N tham gia phiên tòa: bà Phạm Thị Nguyệt – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 03 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2022/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 03/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Phạm Hữu Q, sinh năm 1969; (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 23, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

Bị đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1973; (vắng mặt)

Địa chỉ: Xóm 23, thôn T, xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 19/102/2022 và trong quá trình tố tụng tại Tòa án, nguyên đơn anh Phạm Hữu Q trình bày: Anh kết hôn với chị Lê Thị T trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn vào năm 1992 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống bình thường được một thời gian thì mâu thuẫn. Nguyên nhân là do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống tình cảm vợ chồng lạnh nhạt. Từ tháng 2 năm 2020 đến nay vợ chồng anh ly thân. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã thực sự đổ vỡ không có khả năng hàn gắn đoàn tụ, đề nghị Toà án xem xét giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị

T.

Về con chung: Vợ chồng anh có 3 con chung là Phạm Thị A sinh ngày 29/9/1994; Phạm Thị V sinh ngày 16/6/1996 và Phạm Quốc H sinh ngày 08/8/2003 hiện nay cả 3 con đã trên 18 tuổi tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn: Chị Lê Thị T được Tòa án triệu tập đến trụ sở Tòa án làm việc nhưng anh không đến, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gửi cho Tòa án.

Ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã tuân thủ đúng quy định của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án

Về đường lối giải quyết:

Căn cứ điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 6, khoản 1 Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án:

1. Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Phạm Hữu Q. Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Hữu Q và chị Lê Thị T.

2. Về án phí DSST: anh Q phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo theo quy định của pháp luật./

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Lê Thị T vẫn thường trú tại địa phương nhưng thường xuyên vắng mặt tại nhà, không rõ thời điểm trở về, vì vậy không thể thực hiện việc tống đạt hoặc thông báo trực tiếp. Tòa án nhân dân huyện N đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định tại Điều 177 và Điều 179 Bộ luật Tố tụng dân sự. Anh Phạm Hữu Q có đơn xin xét xử vắng mặt, chị Lê Thị T vắng mặt; căn cứ khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về hôn nhân: Anh Phạm Hữu Q và chị Lê Thị T kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn năm 1992 tại UBND xã Đ, huyện N, tỉnh Nam Định; Vì vậy đây là cuộc hôn nhân hợp pháp.

[3] Sau khi kết hôn, giữa anh Q và chị T chung sống với nhau được một thời gian thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt. Từ năm 2020 đến nay anh Q và chị T ly thân. Nay anh Q xác định tình cảm vợ chồng giữa anh và chị T

không còn; anh đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lê Thị T

Xét thấy cuộc hôn nhân giữa anh Phạm Hữu Q và chị Lê Thị T đã mâu thuẫn trầm trọng, từ khi ly thân đến nay giữa 2 bên cũng không tìm được biện pháp hàn gắn đoàn tụ nên nếu tiếp tục kéo dài thì mục đích của hôn nhân không đạt được; Vì vậy căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Hữu Q đối với chị Lê Thị T.

[5] Về nuôi con chưa thành niên khi ly hôn: Anh Phạm Hữu Q và chị Lê Thị T có 3 con chung nhưng cả 3 con chung đều đã trên 18 tuổi tự lập được nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản: Anh Phạm Hữu Q không yêu cầu Tòa án giải quyết, nếu sau này các đương sự có yêu cầu sẽ giải quyết bằng vụ án dân sự khác.

[7] Về án phí: Anh Phạm Hữu Q phải nộp án phí ly hôn theo quy định tại Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Anh Phạm Hữu Q, chị Lê Thị T được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

1.*Về hôn nhân:* Xử cho ly hôn giữa anh Phạm Hữu Q và chị Lê Thị T

3.Về án phí: Anh Phạm Hữu Q phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn, được đối trừ vào số tiền 300.000 đồng anh đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số 00004796 ngày 01/11/2022

4.*Về quyền kháng cáo:* Anh Phạm Hữu Q, chị Lê Thị T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Xuân Thọ

Nơi nhận:
- TAND tỉnh: 01 bản
- VKSND, tỉnh, huyện: 02 bản
- Chi cục THA huyện N: 01 bản
- UBND xã Đ: 01 bản
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ, Lưu VP